

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 20-6-2022

V/v “*Tranh chấp về quyền sử dụng
đất*”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 tháng 6 năm 2022 và ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1943 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn C, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc D, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cồn Tàu, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở: Số 5A, đường Lê Lợi, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tôn Thị Mỹ D1, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
 - Bà Diệp Thị L, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)
 Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn là bà Lâm Ngọc H và lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Ngọc H, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Ngọc H là ông Lâm Văn C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Trước đây ông Võ Thành Đức là chồng bà Lâm Ngọc H có thửa đất tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa. Trong quá trình sử dụng đất do phần đất của ông Đức nằm tiếp giáp đường đi có chiều dài là 85m, còn ông Lê Quốc D có thửa đất tiếp giáp đất của ông Đức nhưng nằm phía trong nên giữa ông Đức và ông D đã thỏa thuận trao đổi một phần đất với nhau. Theo đó, ông D lấy phần đất của ông D (giáp phía trong đất ông Đức) đổi lấy phần đất của ông Đức (phía ngoài giáp lộ) và ngược lại. Tại thời điểm trao đổi đất thì đất của ông D và ông Đức chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi trao đổi xong thì ông Đức và ông D có cắm ranh và giao phần đất đổi cho nhau. Sau đó ông D nhập phần đất đổi vào đất của ông D và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 116, tờ bản đồ số 4. Còn phần đất ông D đổi cho ông Đức thì bà H sử dụng trồng hoa màu hàng năm. Thời gian sau do sức khoẻ yếu nên bà H cho bà Diệp Thị L thuê từ cách nay 5-6 năm và hiện tại bà L vẫn còn đang thuê phần đất này. Trong quá trình bà H sử dụng đất trồng hoa màu và cho bà Diệp Thị L thuê cũng trồng hoa màu thì không có ai (kể cả ông Lê Quốc D) ngăn cản.

Do việc trao đổi đất là ông Đức trực tiếp thỏa thuận với ông D nên bà H lúc đầu nghĩ phần đất ông D đổi cho ông Đức đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đức xong. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà H mới biết phần đất ông D đổi cho ông Đức hiện do bà L thuê trồng hoa màu vẫn thuộc 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy bà Lâm Ngọc H và ông Lâm Văn C là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lâm Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc D phải giao quyền sử dụng đất đối với phần đất đã đổi cho bà Lâm Ngọc H có diện tích theo kết quả đo đạc của Tòa án là 392,4m² trong tổng diện tích 582m² của thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa bà Lâm Ngọc H và ông Lâm Văn C xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Lê Quốc D giao trả đất có diện tích là 189,6m² thuộc

thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bị đơn ông Lê Quốc D trình bày trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà như sau:

Ông Lê Quốc D thừa nhận trước đây có thoả thuận trao đổi đất với ông Võ Thành Đức là chồng của bà Lâm Ngọc H. Theo thoả thuận ông Đức cắt giao cho ông D một phần đất của ông Đức cấp lộ, còn ông D cũng cắt giao cho ông Đức một phần đất của ông D giáp đất của ông Đức có chiều ngang theo ông D là khoảng 22m, chiều dài vô là khoảng 18m. Tại thời điểm trao đổi đất thì đất ông D và ông Đức chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông D thời điểm trao đổi đất là năm 2002.

Quá trình hoà giải, ông Lê Quốc D thừa nhận và xác định phần đất của ông đổi cho ông Đức có vị trí và diện tích theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phiên toà ông D cho rằng phần đất ông D đổi cho ông Đức thì ông D đã sang tên cho ông Đức xong. Phần đất bà H yêu cầu không phải là đất ông đổi cho ông Đức. Vì vậy, ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Phần đất bà H cho bà L thuê theo ông D là do ông D cho bà H mượn sử dụng.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Thị Mỹ D1 tại phiên toà như sau:

Bà Tôn Thị Mỹ D1 trước đây là vợ của ông Lê Quốc D nhưng hiện tại đã ly hôn vào năm 2012. Theo bà D1 thì ông Lê Quốc D và ông Võ Thành Đức có thoả thuận trao đổi đất với nhau. Tại thời điểm trao đổi đất thì bà cũng đồng ý với ông D đổi đất với ông Đức. Về vị trí và tứ cận hai phần đất trao đổi với nhau thì lâu quá bà không xác định được nhưng theo bà biết là phần ông D đổi cho ông Đức đã giao cho ông Đức và ông Đức đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn đất của ông Đức đổi cho ông D thì ông D cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại bà D1 và ông D đã ly hôn nên thửa đất 116 là của ông D do ông D toàn quyền quyết định, Bà D1 không có yêu cầu gì.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị L trình bày tại bản tự khai như sau:

Bà Diệp Thị L có thuê đất của bà Lâm Ngọc H tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Hình thức thuê là hàng năm. Thời gian thuê là cách nay 5-6 năm. Theo thoả thuận thì khi nào bà H có nhu cầu lấy đất lại thì bà H thông báo cho bà L biết trước. Hết năm thuê thì bà L sẽ trả đất cho bà H. Việc bà H tranh chấp đất với ông Lê Quốc D thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nH dân thị xã Duyên Hải thể hiện tại Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 541/CNTXDH của Văn Phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích là 396m², trong đó diện tích 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4; diện tích 3,6m² thuộc thửa 1965, tờ bản đồ số 4.

Trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa, ông Lâm Văn C thống nhất phần đất tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4; còn diện tích 3,6m² thuộc thửa 1965, tờ bản đồ số 4 thì ông Lâm Văn C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội D1 vụ án:

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Ngọc H diện tích là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về họ và tên của người khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020, người khởi kiện ghi là Lâm Thị H, sinh năm 1943. Tuy nhiên, qua kiểm tra căn cước công dân của nguyên đơn thì nguyên đơn họ và tên đúng là Lâm Ngọc H. Tại phiên tòa, bà Lâm Ngọc H xác nhận nội D1 đơn khởi kiện

ngày 14 tháng 10 năm 2020 đúng là của bà ký. Ông Lâm Văn C đúng là người do bà H uỷ quyền tham gia tố tụng tại Toà án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Diệp Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Diệp Thị L.

[3] Về chứng cứ trong vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án xác minh, lấy lời khai ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[4] Về việc đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện bà Lâm Ngọc H yêu cầu ông Lê Quốc D giao trả đất có diện tích là 582m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, ông Lâm Văn C thống nhất chỉ yêu cầu ông Lê Quốc D giao trả đất có diện tích là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu ông Lê Quốc D giao trả đất có diện tích là 189,6m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc việc ông Lâm Văn C được bà Lâm Ngọc H thống nhất tại phiên tòa xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Lâm Ngọc H, ông Lê Quốc D, bà Tôn Thị Mỹ D1 đều trình bày thực tế có việc ông Võ Thành Đực và ông Lê Quốc D có thoả thuận trao đổi đất với nhau. Khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông Lê Quốc D và bà Lâm Ngọc H thống nhất vị trí, kích thước phần đất mà ông D đã đổi cho ông Võ Thành Đực. Kết quả đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải cung cấp thể hiện phần đất ông D và bà H thống nhất xác định ngoài thực địa có diện tích là 396m², trong đó diện tích 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4; diện tích 3,6m² thuộc thửa 1965, tờ bản đồ số 4.

Qua đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì xác định được thửa 116, tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nh dân huyện Duyên Hải (nay là Ủy

ban nH dân thị xã Duyên Hải) cấp cho hộ ông Lê Quốc D vào ngày 20/10/2003, có diện tích là 1.011m². Tại phiếu cung cấp thông tin số: 53/PCCTT-CNTXDH của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải thì ngày 09/4/2004 ông Lê Quốc D chuyển nhượng cho bà Thạch Thị Sa Phia diện tích 270m²; tháng 5/2005 ông Lê Quốc D chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Sen diện tích 142,0m². Diện tích còn lại 599m², trong đó phát sinh thừa 1010 diện tích 17,0m², thừa 116 diện tích còn lại là 582m².

Mặc khác, theo lời khai của bà Lâm Ngọc H thì phần đất diện tích 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do bà trực tiếp canh tác, sử dụng từ lúc ông D đổi đất cho ông Đực (tức là trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D tại thửa 116) và bà H chỉ cho bà Diệp Thị L thuê khoảng 5-6 năm và hiện nay bà L vẫn còn tiếp tục thuê phần đất này. Lời khai của bà H phù hợp với lời trình bày của ông D tại phiên toà và lời khai của bà Diệp Thị L.

Như vậy, việc ông Lê Quốc D đã thống nhất đổi đất với ông Võ Thành Đực thì phải giao quyền sử dụng phần đất đổi cho ông Đực nay ông Đực chết thì giao cho bà Lâm Ngọc H là đúng với thoả thuận của các bên và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những pH tích như trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định được phần đất ông Lê Quốc D đổi cho ông Võ Thành Đực có diện tích đo thực tế là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Lê Quốc D có nghĩa vụ phải giao quyền sử dụng đất cho bà Lâm Ngọc H đối với phần đất đã đổi. Bà Lâm Ngọc H được công nhận quyền sử dụng đất diện tích là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 và thực hiện chỉnh lý biến động đối với diện tích đất bà Lâm Ngọc H được Toà án công nhận quyền sử dụng đất.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn là ông Lê Quốc D phải chịu án phí là 300.000 đồng. Nguyên đơn bà Lâm Ngọc H không phải chịu án phí. Về tạm ứng án phí do bà Lâm Ngọc H đã được Toà án xét miễn nộp khi nộp đơn khởi kiện nên không xét.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Lê Quốc D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.322.013 đồng.

Bà Lâm Ngọc H được hoàn trả lại số tiền là 2.322.013 đồng sau khi ông Lê Quốc D thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định pháp luật. Bà Lâm Ngọc H được nhận lại tiền

tạm ứng phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn dư tại Tòa án nH dân thị xã Duyên Hải là: 1.677.987 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157 Điều 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 20, 26, 100, 166, 170, 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H.

Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Ngọc H diện tích đo đạc thực tế là 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Kích thước, tứ cận phần đất diện tích 392,4m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 541/CNTXDH của Văn Phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải (kèm theo Bản án) như sau:

- Bắc: giáp thửa 1965 rộng 18,0m;
- Nam giáp thửa 922 rộng 18,0m;
- Đông: giáp thửa 1996 dài 21,6m (20,2m + 1,4m);
- Tây: Giáp phần còn lại thửa 116 dài 22,0m;

Bà Lâm Ngọc H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà Lâm Ngọc H được Tòa án công nhận theo quy định pháp luật.

Buộc ông Lê Quốc D giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 116, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nH dân huyện Duyên Hải (nay là Ủy ban nH dân thị xã Duyên Hải) cấp ngày 20/10/2003 cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động theo quy định của pháp luật trong trường hợp bà Lâm Ngọc H có yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Lâm Ngọc H được công nhận theo Bản án này.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý biến động đối với diện tích đất bà Lâm Ngọc H được Tòa án công nhận quyền sử dụng tại thửa

116, tờ bản đồ số 4. Đất tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Việc chỉnh lý biến động đất thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Lâm Ngọc H đã rút là yêu cầu ông Lê Quốc D giao trả quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 189,6m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 4 do ông Lê Quốc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là ông Lê Quốc D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Nguyên đơn bà Lâm Ngọc H không phải chịu án phí.

Về tạm ứng án phí do bà Lâm Ngọc H đã được Toà án xét miễn nộp khi nộp đơn khởi kiện nên không xét.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc bị đơn ông Lê Quốc D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.322.013 đồng.

Bà Lâm Ngọc H không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Lâm Ngọc H được hoàn trả lại số tiền là 2.322.013 đồng sau khi ông Lê Quốc D thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định pháp luật. Bà Lâm Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn dư tại Tòa án nH dân thị xã Duyên Hải là: 1.677.987 đồng.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Thị Mỹ D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Diệp Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

Dương Tấn Thanh